

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày 26-7-2023

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đình Thị Thanh Hải và ông Trần Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26/7/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 210/2023/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thu H – sinh năm 1965. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 2, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Ông Liêu Văn C – Sinh năm 1960. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2023 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Bùi Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thu H và ông Liêu Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 17/01/1988. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được. Bà H và ông C đã ly thân từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho bà được ly hôn ông Liêu Văn C.

Về con chung: Bà Bùi Thị Thu H và ông Liêu Văn C có hai con chung là Liêu Ngọc A, sinh ngày 16/7/1988 và Liêu Hoàng A1, sinh ngày 08/3/1994, hiện nay đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Liêu Văn C không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của ông C và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 24/7/2023, ông Liêu Văn C trình bày: Ông C đã nhận được giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Tuy nhiên do công việc bận nên ông C không tham gia phiên tòa xét xử được, nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Liêu Văn C đã được giao nhận các văn bản tố tụng hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Bùi Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà H theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thu H và ông Liêu Văn C có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái theo giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyền số: 01 ngày 17/01/1988, là hôn nhân hợp pháp. Theo bà H, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được. Bà H và ông C đã ly thân từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Tòa án đã triệu tập để hòa giải tạo điều kiện cho ông, bà đoàn tụ nhưng ông C không có mặt, thể hiện ông C không có thiện chí hoà giải.

Như vậy, có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của bà H là chính đáng và có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thu H được ly hôn ông Liêu Văn C.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0001509 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái ngày 29/5/2023.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS TP. Yên Bái;
- UBND xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Trung